

Số: 238/2024/QĐST-HNGĐ TP. Tuyên Quang, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 25, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 25, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Trần Văn N (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 39/2016, ngày 29/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Kim O, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2016 và cháu Trần Khánh N, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2021 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trương Thị T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn N cùng xác định tự thỏa thuận chia cho nhau khi ly hôn, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn N đều x

- *Về án phí*: + Chị Trương Thị T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/24, số: 0000101, ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Trần Văn N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã P (nay là phường Mỹ Lâm);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn